

## SỰ TUÂN THỦ ĐIỀU TRỊ THUỐC SAU ĐẶT STENT ĐỘNG MẠCH VÀNH

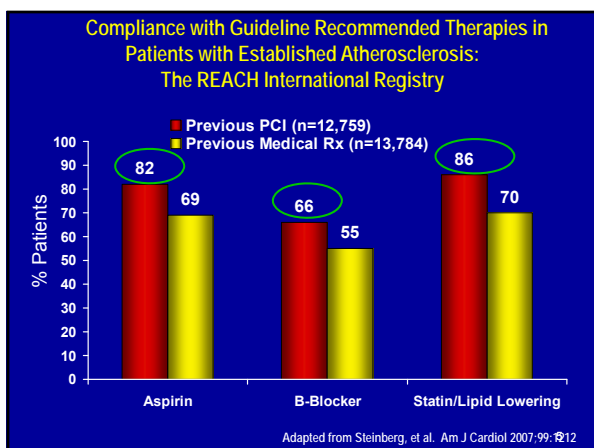
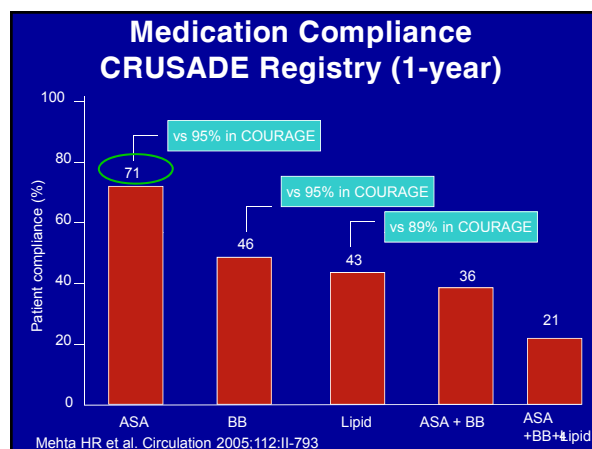
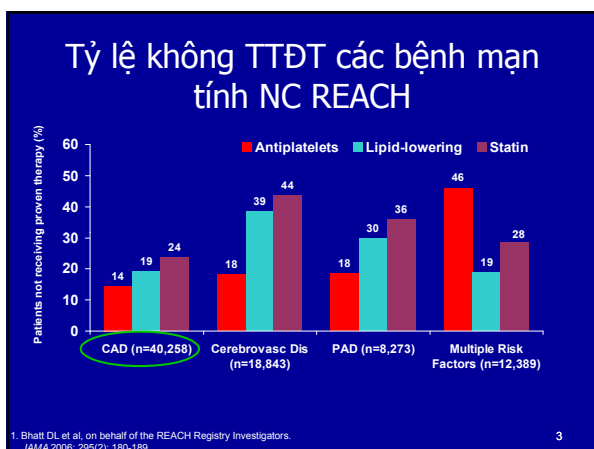
TS. Võ Thị Dẽ  
GS. TS. Đặng Vạn Phước

1

## ĐẶT VẤN ĐỀ

- Số BN đặt stent ĐMV ngày càng nhiều, (2010: 9.192, Viện TMVN) -> cần tiếp tục điều trị nội khoa để giảm tái phát, tái hẹp, tử vong.
- Tuân thủ điều trị của BN sau đặt stent là khâu quan trọng không thể thiếu.

2



## MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

- Xác định tỷ lệ tuân thủ điều trị thuốc của bệnh nhân sau đặt stent ĐMV.
- Xác định lý do và các yếu tố liên quan sự tuân thủ điều trị.

6

## ĐỐI TƯỢNG - PHƯƠNG PHÁP NC

- Thiết kế NC: NC đoàn hệ tiến cứu 2008-2009
- Cỡ mẫu: 514 BN stent ĐMV  
BV Chợ Rẫy, BVĐHYD TPHCM: 01/2007 –12/2008
- 5 loại : Asp, clopi., UCBT, UCMC, điều chỉnh lipid.
- **Qui ước TTĐT**: thang đo sự tuân thủ của Morisky

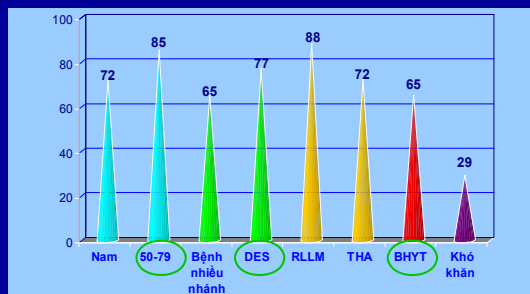
- Morisky(2008) *J. Clin. Hypertens*  
- Newby, Gehi, Kulkarni, Codina, García de Olalla

7

## KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

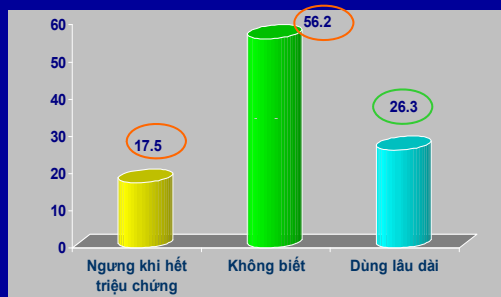
8

## Đặc điểm BN



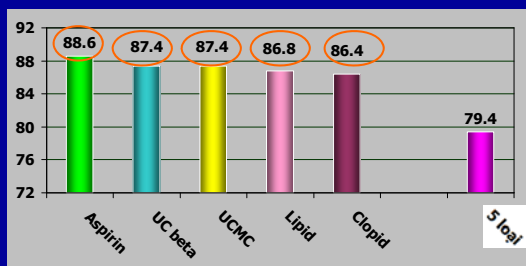
9

## Nhận thức của BN về thời gian dùng thuốc sau đặt stent



10

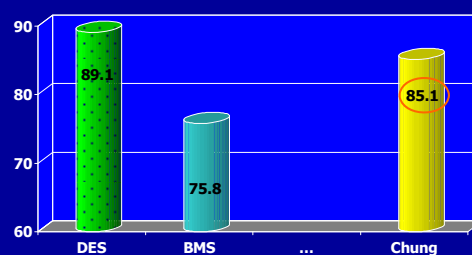
## TỶ LỆ TUÂN THỦ ĐIỀU TRỊ THUỐC



Tỷ lệ TT từng loại: 86,4 - 88,6%, TT đủ 5 loại 79,4%

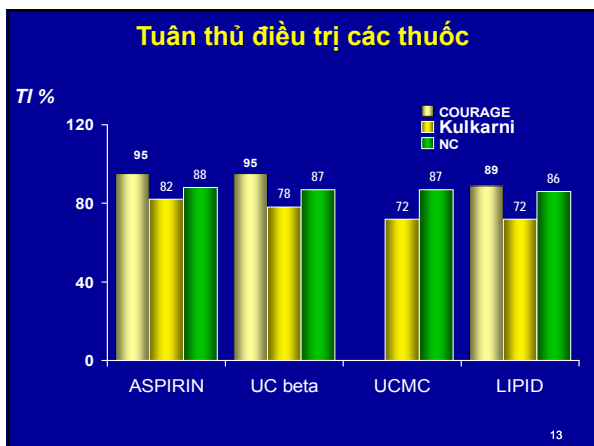
11

## Tỷ lệ TTĐT 2 thuốc chống KTTC



BN có stent phủ thuốc TTĐT thuốc chống KTTC cao hơn ( $p < 0,001$ )

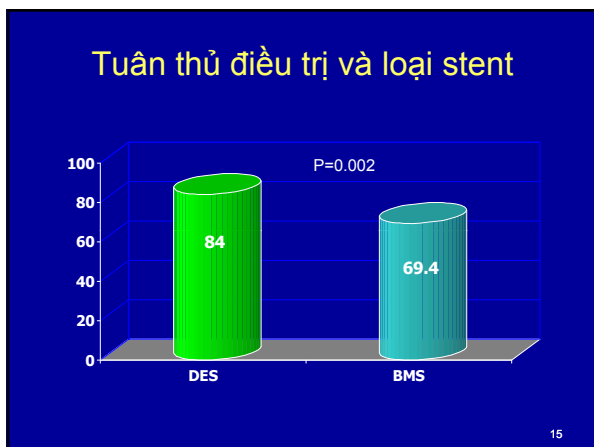
12



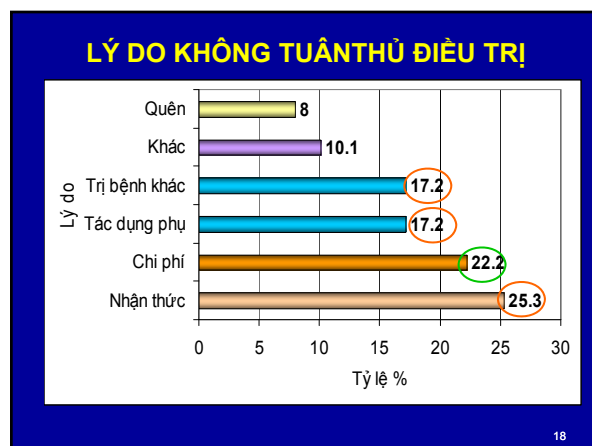
### Tuân thủ điều trị clopidogrel

Tác giả	ĐTNC	Tỷ lệ TT
MATRIX, 2004	1510 DES	83%
Pallares, 2004	257 DES	80%
PREMIER, 2006	500 DES	86%
NC, 2009	514 stent	86%

14



**LÝ DO KHÔNG TUÂN THỦ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN**



### Lý do: nhận thức không đúng

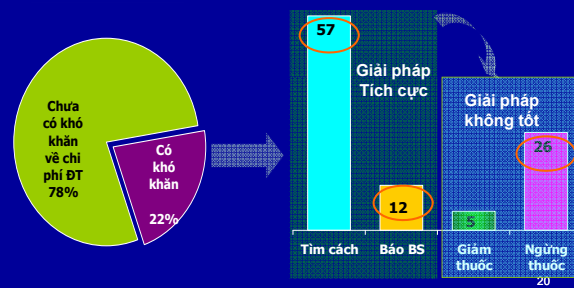
Ngừng thuốc do nhận thức không đúng: (25)

- BN không biết hoặc biết không đúng về thời gian dùng thuốc sau đặt stent
- BN thấy hết triệu chứng

-> Đây là nhóm lý do có thể can thiệp được qua truyền thông GDSK.

### Lý do: chi phí điều trị

Khi có khó khăn phần lớn BN tìm giải pháp để tiếp tục trị



### CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN

Yếu tố	OR	Giá trị p	KTC 95%
Stent thường	2,24	0,009	1,22 – 4,12
Không có BHYT	3,99	< 0,001	2,20 – 7,24
Có khó khăn	5,57	< 0,001	3,07 - 10,11
Tổn thương 1 nhánh ĐMV	2,95	0,004	1,41 – 6,15

### CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN

Chưa thấy mối liên quan có YNTK với:

- giới tính, nhóm tuổi,
- địa bàn cư trú,
- trình độ học vấn,
- số stent được đặt,
- giữa các nhóm bệnh cảnh lâm sàng.

### CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN

So sánh NC khác:

- Chouhdry (2003), Doshi (2004), Quadros (2008): có BHYT -> TTĐT tốt hơn
- Newby (2002): BN có tổn thương nhiều nhánh ĐMV sẽ TTĐT tốt hơn
- Akicigil (2008): chi phí điều trị có liên quan TTĐT.

### KẾT LUẬN

1/ Tỷ lệ tuân thủ điều trị bằng thuốc:

- Tỷ lệ TTĐT từng loại: 86 - 89%
  - Aspirin 88,6%
  - Clopidogrel 86,4%
  - Ức chế beta 87,4%
  - Ức chế men chuyển 87,4%
  - Thuốc điều chỉnh lipid 86,8%
- Tỷ lệ TTĐT đủ 5 loại thuốc chính: 79%

## KẾT LUẬN

**2/ 4 yếu tố sau có liên quan với kém tuân thủ:**

1. Không có bảo hiểm y tế
2. BN có khó khăn trong quá trình điều trị
3. BN có tổn thương chỉ 1 nhánh ĐMV
4. BN đặt stent thường

25

CẢM ƠN QUÝ THẦY CÔ  
QUÝ ĐỒNG NGHIỆP

26